

Số: 103 /TTr-UBND

Bình Phước, ngày 14 tháng 9 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ lao động tự do, đối tượng đặc thù gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó do đại dịch COVID-19;

Thực hiện Công văn số 233/HĐND-TH ngày 09 tháng 8 năm 2021 về việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét những vấn đề đã thỏa thuận;

Căn cứ Công văn số 209/HĐND-KT ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động (lao động tự do), một số đối tượng đặc thù gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh,

UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ Hai xem xét, ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và một số đối tượng đặc thù gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Ngày 01 tháng 7 năm 2021, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 68/NQ-CP về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 68/NQ-CP). Trong đó, chính sách hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và một số đối tượng đặc thù khác được quy định tại Khoản 12, Mục II quy định: “Căn cứ điều kiện cụ thể và khả năng ngân sách địa phương, các tỉnh, thành phố xây dựng tiêu chí, xác định đối tượng, mức tiền hỗ trợ nhưng mức hỗ trợ

không thấp hơn 1.500.000 đồng/người/lần hoặc 50.000 đồng/người/ngày căn cứ theo thực tế số ngày tạm dừng hoạt động theo yêu cầu của địa phương”.

Việc triển khai các chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 68/NQ-CP được yêu cầu phải kịp thời, công khai, đúng đối tượng, đặc biệt tập trung cho đối tượng lao động tự do vì đây là nhóm bị tác động nhất từ ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, cần tiếp nhận hỗ trợ sớm nhất để duy trì cuộc sống hàng ngày, sẵn sàng quay trở lại làm việc khi tình hình dịch bệnh được kiểm soát.

Sau khi báo cáo và được Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận tại Công văn số 209/HĐND-KT ngày 13 tháng 7 năm 2021, ngày 14 tháng 7 năm 2021 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1848/QĐ-UBND về việc hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và một số đối tượng đặc thù gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 theo quy định tại Khoản 12, Mục II, Nghị quyết số 68/NQ-CP và đã được UBND tỉnh khẩn trương tổ chức thực hiện.

II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Xây dựng văn bản thỏa thuận Thường trực HĐND tỉnh

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP, UBND tỉnh đã giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Sở LĐTBXH) chủ trì, soạn thảo các dự thảo văn bản, lấy ý kiến các sở, ngành, địa phương, tham mưu văn bản thỏa thuận với Thường trực HĐND tỉnh, cụ thể như sau:

- Ngày 08 tháng 7 năm 2021, Sở LĐTBXH có Công văn số 1146/SLĐTBXH-LĐVL về việc góp ý dự thảo các văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP gửi 24 cơ quan, đơn vị lấy ý kiến. Tính đến ngày 11 tháng 7 năm 2021, 16/24 đơn vị có ý kiến góp ý gồm: Ủy ban MTTQ tỉnh, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Ngân hàng chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Bình Phước, Liên đoàn Lao động tỉnh, Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết và Dịch vụ Bình Phước; UBND các huyện, thị xã, thành phố: Chơn Thành, Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Gia Mập, Bình Long, Phước Long, Đồng Xoài và Phú Riềng.

- Theo đề nghị của Sở LĐTBXH tại Công văn số 1160/SLĐTBXH-LĐVL ngày 11 tháng 7 năm 2021; UBND tỉnh có Công văn số 2315/UBND-KGVX ngày 12 tháng 7 năm 2021 gửi HĐND tỉnh và được Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận tại Công văn số 209/HĐND-KT ngày 13 tháng 7 năm 2021 về việc thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động (lao động tự do), một số đối tượng đặc thù khó khăn do đại dịch COVID-19

2. Quá trình xây dựng nghị quyết HĐND tỉnh

Căn cứ Công văn số 237/HĐND ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao Sở LĐTBXH xây dựng Nghị quyết về hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và đối tượng đặc thù gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điểm 12, Mục II, Nghị quyết số 68/NQ-CP (Công văn 2768/UBND-TH ngày 18 tháng 8 năm 2021).

Tuy nhiên qua rà soát, tổng kinh phí thực hiện thực tế đến thời điểm ngày 23 tháng 8 năm 2021 vượt cao so với mức dự toán đã được Thường trực HĐND tỉnh thỏa thuận. Để có cơ sở trình HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao các ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố tiến hành rà soát (Công văn số 2894/UBND-KGVX ngày 28 tháng 8 năm 2021). Việc rà soát phải thực hiện từ cấp xã với yêu cầu đúng đối tượng, không để trục lợi chính sách.

Sau khi rà soát, Sở LĐTBXH đã hoàn chỉnh dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết, đồng thời lấy ý kiến các đơn vị liên quan theo quy định.

Dự thảo Tờ trình và Nghị quyết được thông qua UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 10 tháng 9 năm 2021. UBND tỉnh yêu cầu Sở LĐTBXH lấy ý kiến đầy đủ của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Đến ngày 11 tháng 9 năm 2021, Sở LĐTBXH đã nhận được góp ý của 13/15 đơn vị lấy ý kiến (gồm Sở Tài chính, Sở Tư pháp, UBND các huyện, thị xã, thành phố). Sau khi tiếp thu và giải trình đối với các nội dung góp ý, ngày 13 tháng 9 năm 2021, Sở LĐTBXH hoàn chỉnh dự thảo Tờ trình, Nghị quyết tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh.

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm 03 Điều:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng, nguyên tắc hỗ trợ, điều kiện hỗ trợ, mức hỗ trợ.
- Điều 2. Kinh phí thực hiện.
- Điều 3. Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản

a) Quy định chính sách hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và một số đối tượng đặc thù gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo quy định tại Khoản 12, Mục II, Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ như: người lao động tự do và lao động đặc thù; người lao động làm việc tại các doanh nghiệp, hợp tác xã bị tạm dừng hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng chống dịch COVID-19 nhưng không đủ điều kiện được hưởng chính sách theo quy định tại Điểm 4, 5, 6, Mục II, Nghị quyết số 68/NQ-CP.

b) Nguyên tắc hỗ trợ đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không để lợi dụng, trục lợi chính sách.

c) Mức hỗ trợ:

- Đối với người lao động tự do và lao động đặc thù: 50.000 đồng/người/ngày. Số ngày tính theo ngày mất việc theo thực tế, tối đa không vượt quá 30 ngày.

- Đối với người lao động tạm hoãn công việc, nghỉ việc không hưởng lương từ 15 ngày liên tục trở lên: 1.500.000 đồng/người.

- Đối với người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên: 1.000.000 đồng/người.

- Đối với người lao động bị mất việc do doanh nghiệp, hợp tác xã dừng hoạt động: 1.500.000 đồng/người.

d) Nguồn kinh phí hỗ trợ và chi trả cho đơn vị tổ chức chi hỗ trợ:

- Đối với người bán lẻ xổ số lưu động: được bảo đảm từ các nguồn tài chính hợp pháp của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

- Các đối tượng còn lại: được đảm bảo từ nguồn dự phòng và cải cách tiền lương các cấp ngân sách.

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Đính kèm:

1. Dự thảo Nghị quyết;

2. Ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 410/STP-PC ngày 13 tháng 8 năm 2021 về việc phúc đáp Công văn số 1438/SLĐTBXH-LĐVL ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Sở LĐTBXH về việc đề nghị hướng dẫn xây dựng văn bản Nghị quyết HĐND tỉnh.

3. Báo cáo số 254/BC-SLĐTBXH ngày 11 tháng 9 năm 2021 của Sở LĐTBXH về việc giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.

4. Công văn số 209/HĐND-KT ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Thường trực HĐND tỉnh về việc thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động (lao động tự do), một số đối tượng đặc thù gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính, Sở LĐ-TBXH;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, KGVX (Ch-HĐND).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền

Số: /NQ-HĐND

Bình Phước, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và một số đối tượng đặc thù gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND-VH ngày tháng năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành quy định chính sách hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và một số đối tượng đặc thù gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo quy định tại Khoản 12, Mục II, Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Trên địa bàn tỉnh Bình Phước

2. Đối tượng

2.1. Người lao động tự do và lao động đặc thù thuộc các nhóm, lĩnh vực sau:

- a) Nhóm buôn bán nhỏ lẻ: làm công việc bán hàng rong không có địa điểm cố định, tự buôn bán nhỏ tại chợ, tại nhà;
- b) Nhóm làm công việc thu gom rác, phế liệu không có địa điểm cố định;
- c) Nhóm làm công việc bốc vác, vận chuyển hàng hóa; lái xe 3 gác; lái xe mô tô 2 bánh chở khách; lái xe dịch vụ;
- d) Nhóm làm việc trong lĩnh vực ăn uống, dịch vụ tiệc cưới, lưu trú, du lịch, khách sạn, quán ăn: phục vụ bàn ăn, đầu bếp, phục vụ bếp, lễ tân, tạp vụ;
- đ) Nhóm làm đẹp, chăm sóc sức khỏe: thợ uốn tóc, cắt tóc, làm móng tay - chân, massage, spa, xoa bóp y học, bấm huyệt, châm cứu;
- e) Nhóm thợ xây - phụ hồ, thợ sơn, thợ nhôm - sắt - kính, thợ sửa xe, thợ điện - nước, thợ trang trí nội thất; thợ sửa máy móc, thiết bị;
- f) Nhóm người lao động làm việc trong các trường học (nấu ăn, bán căn tin), quán karaoke, quán nước giải khát, cửa hàng buôn bán nhỏ lẻ;
- g) Nhóm người lao động làm thuê những công việc không cố định;
- h) Người bán lẻ xổ số lưu động.

2.2. Người lao động làm việc tại các doanh nghiệp, hợp tác xã bị tạm dừng hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 nhưng không đủ điều kiện được hưởng chính sách theo quy định tại Điểm 4, 5, 6, Mục II, Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

- a) Đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không để lợi dụng, trục lợi chính sách.
- b) Thành phần hồ sơ, thủ tục và quy trình thực hiện đơn giản, ngắn gọn để thực hiện.
- c) Mỗi đối tượng chỉ được hưởng một chính sách hỗ trợ (nếu đủ điều kiện hưởng hơn một chính sách thì chỉ giải quyết hỗ trợ theo chính sách cao nhất).
- d) Phát huy tính chủ động, trách nhiệm của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong việc triển khai thực hiện và kiểm tra giám sát, đánh giá phản biện thông tin, dự luận xã hội từ khâu đầu tiên của quy trình thực hiện đến khi kết thúc chi hỗ trợ cho từng cá nhân, đảm bảo việc chi hỗ trợ đúng người, đúng điều kiện, đúng nguyên tắc và đúng chính sách được hỗ trợ.

4. Điều kiện được hỗ trợ

4.1. Người lao động thuộc đối tượng quy định tại Điểm 2.1, Khoản 2, Điều này bị mất việc làm, không có thu nhập hoặc có thu nhập thấp hơn mức 2.000.000 đồng/tháng (theo mức chuẩn hộ cận nghèo khu vực thành thị tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ Quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025), trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến

ngày 31 tháng 12 năm 2021 do thực hiện theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19, có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú hợp pháp trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

4.2. Người lao động thuộc đối tượng quy định tại Điểm 2.2, Khoản 2, Điều này tạm hoãn công việc, nghỉ việc không hưởng, ngừng việc, bị mất việc làm do thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021. Thời gian tạm dừng từ 14 ngày liên tục trở lên (đối với trường hợp nằm trong khu vực phong tỏa) và 15 ngày liên tục trở lên (đối với trường hợp tạm dừng sản xuất), có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú hợp pháp trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

5. Mức hỗ trợ

5.1. Đối với người lao động thuộc đối tượng quy định tại Điểm 2.1, Khoản 2, Điều này:

Mức hỗ trợ: 50.000 đồng/người/ngày. Số ngày tính theo ngày mất việc theo thực tế, tối đa không vượt quá 30 ngày.

Trường hợp thời gian mất việc không liên tục, thì chi thực tế theo số lượng ngày bị mất việc làm từng đợt, nhưng tổng số ngày hỗ trợ không vượt quá 30 ngày.

Trường hợp thời gian mất việc trên 25 ngày, tùy theo diễn biến tình hình dịch bệnh thực tế, UBND tỉnh quyết định số ngày hỗ trợ nhưng không vượt quá 30 ngày.

5.2. Đối với người lao động quy định tại Điểm 2.2, Khoản 2, Điều này được hỗ trợ 01 lần như sau:

a) Đối với người lao động tạm hoãn công việc, nghỉ việc không hưởng lương từ 15 ngày liên tục trở lên: 1.500.000 đồng/người.

b) Đối với người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên: 1.000.000 đồng/người.

c) Đối với người lao động bị mất việc do doanh nghiệp, hợp tác xã dừng hoạt động: 1.500.000 đồng/người.

Điều 2. Kinh phí thực hiện

1. Tổng kinh phí

1.1. Tổng số đối tượng dự kiến: 83.203 người, trong đó có 2.450 người bán vé số.

1.2. Tổng kinh phí dự kiến: 124.804.500.000 đồng, trong đó:

a) Hỗ trợ cho người bán lẻ xổ số lưu động: 3.675.000.000 đồng;

b) Hỗ trợ cho các đối tượng còn lại: 121.129.500.000 đồng.

Kinh phí này chưa bao gồm chi phí hỗ trợ cho các đơn vị thực hiện chi trả đến các đối tượng thụ hưởng, thực hiện theo thực tế phát sinh, với mức hỗ trợ

6.000 đồng/lượt chi trả (đối với trường hợp chi trả tận nhà, chỉ thực hiện tại các địa phương áp dụng Chỉ thị 16/CT-TTg); 3.000 đồng/lượt chi trả (đối với trường hợp chi trả tại điểm tập trung).

2 Nguồn kinh phí hỗ trợ và chi trả cho đơn vị tổ chức chi hỗ trợ

2.1. Đối với người bán lẻ xổ số lưu động được bảo đảm từ các nguồn tài chính hợp pháp của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2.2. Các đối tượng còn lại được đảm bảo từ nguồn dự phòng và cải cách tiền lương các cấp ngân sách.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh có kế hoạch tổ chức triển khai cụ thể, phân công rõ ràng, chặt chẽ, thực hiện thống nhất trên địa bàn tỉnh. Căn cứ tình hình diễn biến của dịch COVID-19 để quyết định thời gian thực hiện hỗ trợ, đảm bảo không vượt thời gian hỗ trợ quy định theo Nghị quyết này, đảm bảo một số nhiệm vụ chi theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh và những nội dung quy định chưa phù hợp, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên phối hợp giám sát, tuyên truyền, phổ biến, động viên các thành phần kinh tế, các tầng lớp nhân dân tích cực thực hiện Nghị quyết; kịp thời phát hiện, phản ánh những vấn đề cần điều chỉnh bổ sung với các cơ quan có thẩm quyền.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát chặt chẽ quá trình triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ Hai thông qua ngày tháng năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: LĐ-TB&XH, Tài chính, Công an, Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT và TT (Sở TT&TT);
- LĐVP, các phòng chức năng;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ TƯ PHÁP

Số: 410/STP-PC
V/v Phúc đáp Công văn số
1438/SLĐTBXH-LĐVL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 13 tháng 8 năm 2021

Kính gửi: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

Ngày 12/8/2021, Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1438/SLĐTBXH-LĐVL ngày 05/8/2021 của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội về việc đề nghị hướng dẫn xây dựng văn bản Nghị quyết HĐND tỉnh về thực hiện chính sách cho đối tượng theo quy định tại điểm 12 mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Sau khi nghiên cứu hồ sơ, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

Việc Sở Lao động, Thương binh và xã hội tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Nghị quyết thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động (lao động tự do), một số đối tượng đặc thù khó khăn do đại dịch Covid 19 theo quy định tại điểm 12 mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ không đầy đủ các yếu tố cấu thành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015. Do đó, đề nghị Sở Lao động, Thương binh và Xã hội xem xét, nghiên cứu để tham mưu UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh cho phù hợp theo nội dung Công văn số 233/HĐND-TH ngày 09/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc trình HĐND tỉnh xem xét những vấn đề đã thoả thuận.

Trên đây là phúc đáp của Sở Tư pháp đối với Công văn số 1438/SLĐTBXH-LĐVL ngày 05/8/2021 của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc;
- Lưu: VT, PC.

GIÁM ĐỐC



Lê Tiến Hiếu

BÁO CÁO

**Tổng hợp ý kiến đóng góp dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh,
Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc ban hành chính sách hỗ trợ người lao động
tự do và một số đối tượng đặc thù gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên
địa bàn tỉnh Bình Phước**

Thực hiện Công văn số 2786/UBND-TH ngày 18/8/2021 của UBND tỉnh về khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ trình tại kỳ họp thứ 2 HĐND tỉnh khóa X,

Theo đó, ngày 27/08/2021 Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (viết tắt là Sở LĐTBXH) có Công văn số 1673/SLĐTBXH – LĐVL ngày 08/9/2021 về việc góp ý dự thảo Tờ trình, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về thực hiện chính sách hỗ trợ cho lao động tự do, đối tượng đặc thù gặp khó khăn do đại dịch Covid_19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP gửi đến các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố để lấy ý kiến góp ý.

Đến nay, đã nhận được các góp ý của 13/15 cơ quan, đơn vị, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tổng hợp ý kiến góp ý của các Sở, ngành và địa phương như sau:

I. Số lượng cơ quan, đơn vị gửi lấy ý kiến góp ý: 15 cơ quan, đơn vị

Ban văn hóa HĐND tỉnh, Ủy Ban MTTQVN tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Tài chính và UBND 11 huyện, thị xã, thành phố.

II. Số lượng các cơ quan, đơn vị tham gia góp ý: 13/15 cơ quan, đơn vị

Sở Tư pháp và UBND các huyện, thị xã, thành phố: Bù Đốp, Bù Gia Mập, Bù Đăng, Chơn Thành, Đồng Phú, Hớn Quản, Phú Riềng, Lộc Ninh, Bình Long, Phước Long, Đồng Xoài, Sở Tư pháp và Sở Tài chính.

III. Tiếp thu, giải trình nội dung góp ý

1. Có 07/11 cơ quan, đơn vị góp ý thống nhất theo dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết.

2. Đối với các ý kiến góp bổ sung, Sở LĐTBXH tiếp thu hoặc giải trình, cụ thể như sau:

2.1. Góp ý Sở Tư Pháp:

- Tại phần căn cứ pháp lý, đề nghị bổ sung thêm căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó do đại dịch COVID-19;

Giải trình : phạm vi điều chỉnh nghị quyết là lao động tự do, đối tượng đặc thù, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg (Nghị quyết 68/NQ-CP có 12 chính sách hỗ trợ, trong đó Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg chỉ quy định 11 chính sách, riêng chính sách số 12 do địa phương quy định), vì vậy không bổ sung thêm phần căn cứ này.

- Đề nghị bổ sung: đối tượng được hỗ trợ là trẻ em và phụ nữ mang thai cho đầy đủ theo quy định tại Khoản 7, Mục II, Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ.

Giải trình: Nghị quyết này chỉ quy định chính sách hỗ trợ đối với nhóm đối tượng theo quy định tại điểm 12, Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ, gồm lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và một số đối tượng đặc thù khác.

- Tại Điều 3 của dự thảo Nghị quyết, đề nghị thay thế cụm từ “Cư trú hợp pháp” bằng cụm từ “Có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú”.

Giải trình: Nghị quyết quy định cả những trường hợp chưa có “hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú” nhưng được cơ quan Công an cấp xã “xác nhận nơi cư trú hợp pháp” theo Công văn số 946/CAT-PC06 ngày 23/7/2021 của Công an tỉnh về việc hướng dẫn xác định “việc cư trú hợp pháp” cho công dân trên địa bàn tỉnh.

- Các ý kiến còn lại: Sở LĐTBXH tiếp thu bổ sung, chỉnh lý dự thảo; đồng thời điều chỉnh lại bố cục dự thảo nghị quyết chỉ còn 03 điều (điều 1 : về quy định chính sách; điều 2 : về kinh phí và điều 3 : tổ chức thực hiện).

2.2 Sở Tài chính:

Cơ bản thống nhất dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh. Tuy nhiên, đề nghị bổ sung điều chỉnh và bổ sung vào dự thảo Nghị quyết những nội dung UBND tỉnh đã chỉ đạo tại khoản 1 của Công văn số 2984/UBND-KGVX.

Giải trình: những nội dung UBND tỉnh đã chỉ đạo tại khoản 1 của Công văn số 2984/UBND-KGVX ngày 28/8/2021 thuộc các nội dung cụ thể hóa thực hiện để triển khai nghị quyết, vì vậy không đưa vào dự thảo nghị quyết. Hiện các nội dung này đã được Sở LĐTBXH, UBND các huyện thị xã, thành phố nghiêm túc thực hiện, Sở LĐTBXH cùng Sở Tài chính đã báo cáo UBND tỉnh, sẽ tiếp tục tham mưu điều chỉnh chính sách sau khi nghị quyết ban hành.

2.3 UBND thành phố Đồng Xoài , UBND thị xã Bình Long và UBND huyện Bù Đăng

Góp ý: (1) Đối với những hồ sơ đã tiếp nhận từ ngày 15/8/2021 trở về trước, đề nghị tiếp tục thực hiện theo quyết định đã phê duyệt; (2) Sau ngày 15/8/2021 vẫn tiếp tục triển khai thực hiện gói hỗ trợ thì áp dụng theo quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1848/QĐ-UBND và theo Nghị quyết của HĐND.

Giải trình: Quyết định 1848/QĐ-UBND do UBND tỉnh ban hành. Đối với các góp ý liên quan đến điều chỉnh quyết định 1848/QĐ-UBND tỉnh, Sở sẽ rà soát khi tham mưu

điều chỉnh quyết định 1848/QĐ-UBND (sau khi có thỏa thuận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh), vì vậy không đưa vào dự thảo nghị quyết.

2.4. UBND huyện Lộc Ninh:

Do tiến độ thực hiện các chính sách hỗ trợ Covid-19 trong khoảng thời gian ngắn, gấp và thực hiện trong thời gian giãn cách xã hội, do đó sau ngày 15/8/2021 vẫn còn nhiều người lao động tự do nộp đơn đề nghị hỗ trợ. Do đó, đề không bỏ sót đối tượng lao động tự do gặp khó khăn do dịch Covid-19 cần được hỗ trợ, đề nghị xem xét điều chỉnh tăng thêm 10% tổng số đối tượng dự kiến tại điểm a, Mục 5.1, Điều 5 của Nghị quyết.

Giải trình: Số liệu dự kiến tại điểm a, mục 5.1, điều 5 là số liệu các huyện thực hiện rà soát theo chỉ đạo tại Công văn 2894/UBND-KGVX ngày 28/08/2021 của UBND tỉnh, Sở LĐTBXH tổng hợp và đã có ý kiến của Sở Tài chính tại công văn 2574/STC-HCSN ngày 08/09/2021. Hiện nay, ngân sách tỉnh đang gặp khó khăn, do vậy chưa thể cân đối nguồn để tiếp tục hỗ trợ thêm theo đề nghị.

(Kèm theo công văn góp ý của các địa phương, đơn vị)

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo văn bản kính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các đơn vị góp ý;
- Ban GD Sở;
- Lưu: VT, LĐVL(G-16b)..

GIÁM ĐỐC



HUỲNH THỊ THÙY TRANG

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 209/HĐND-KT

Bình Phước, ngày 15 tháng 7 năm 2021

V/v thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động (lao động tự do), một số đối tượng đặc thù gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh nhận được Công văn số 2315/UBND-VX ngày 12/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thỏa thuận thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động (lao động tự do), một số đối tượng đặc thù gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh. Qua xem xét, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Việc xây dựng các nội dung hỗ trợ cho người lao động (lao động tự do), một số đối tượng đặc thù gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao của Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác phòng, chống dịch bệnh và kịp thời hỗ trợ cho người lao động không có giao kết hợp đồng lao động, một số đối tượng gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với chính sách hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và một số đối tượng đặc thù trên địa bàn tỉnh như nội dung đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 2315/UBND-VX ngày 12/7/2021. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các bước theo đúng quy định; rà soát, xem xét kỹ nội dung: “*nguồn kinh phí hỗ trợ người bán lẻ vé số lưu động được bảo đảm từ các nguồn tài chính hợp pháp của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết và Dịch vụ Tổng hợp Bình Phước và được hoạch toán vào chi phí theo hướng dẫn của Bộ Tài chính*”. Đồng thời, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét tại kỳ họp gần nhất.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- LĐ Ban KTNS HĐND tỉnh;
- Sở TC, LĐTB và XH;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hoàng Lâm